

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 14-11-2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Long

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Thu Thúy

Ông Trần Văn Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Thực – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Huỳnh Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2017/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1993; (có mặt)

Nơi thường trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nơi tạm trú: ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, anh Lê Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm:

*. *Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:* Chị và anh Lê Văn M kết hôn vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 11-10-2012. Sau khi kết hôn, chị và anh M chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh M thường xuyên đánh đập chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến ngày 02-02-2016 âm lịch thì chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian về nhà cha mẹ ruột, anh M không những không hối cải mà còn điện thoại hăm dọa làm chị cảm thấy lo lắng, sợ hãi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thùy D, sinh ngày 14-5-2013 và cháu Lê Thùy D1, sinh ngày 11-12-2014. Cháu D và cháu D1 hiện nay đang sống với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*. *Bị đơn, anh Lê Văn M trình bày:* Anh thống nhất với chị T về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T anh không đồng ý vì hiện anh còn thương vợ con. Anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau chăm lo các con, anh cam kết sẽ sửa đổi tính tình, không bạo hành với chị T như trước đây. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2017/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T. Cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Văn M.

Về con chung: Giao cháu Lê Thùy D, sinh ngày 14-5-2013 và cháu Lê Thùy D1, sinh ngày 11-12-2014 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*. Ngày 31-7-2017, bị đơn Lê Văn M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thùy D.

Tại phiên tòa, anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Với lý do, cháu D từ lúc sinh ra đã sống với anh đến tháng 02-2016 thì chị T đem con về nhà cha mẹ ruột của chị sống, hiện cháu D vẫn còn chung hộ khẩu với anh, nếu cháu sống với anh sẽ thuận tiện cho việc cháu nhập học, chị T làm công nhân, thu nhập thấp, chỗ ở không ổn định, nên việc nuôi 02 con sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của các cháu sau này.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh M và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với yêu cầu kháng cáo của anh M là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định thẩm quyền xét xử và quan hệ tranh chấp của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị Mỹ T không kháng cáo về phần hôn nhân, tài sản chung, nợ chung và án phí của bản án hôn nhân sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thùy D của anh Lê Văn M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh M và chị T có 02 con chung là cháu Lê Thùy D, sinh ngày 14-5-2013 và cháu Lê Thùy D1, sinh ngày 11-12-2014. Trước khi anh M, chị T ly hôn thì vợ chồng anh M đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, trong thời gian này, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung cho đến nay và hai cháu đã được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, cuộc sống ổn định, quyền lợi về mọi mặt của hai cháu được chị T đảm bảo. Mặc dù, hai con của anh M, chị T hiện chưa đủ 07 tuổi nên không thuộc trường hợp phải lấy ý kiến của hai cháu theo quy định tại

khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã căn cứ vào giới tính, độ tuổi và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu của chị T trong thực tế để làm cơ sở giao hai con cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật. Anh M kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu D nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Hơn nữa, nếu giao cho anh M nuôi dưỡng cháu D sẽ làm xáo trộn cuộc sống của cháu trong sinh hoạt và học tập, cũng như tình cảm chị em của hai cháu bị chia tách làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu sau này. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M.

[4] Về áp dụng pháp luật: Theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì kể từ ngày 01-01-2017 các vấn đề về tạm ứng án phí, án phí Tòa án phải được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này. Đối với vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết từ ngày 29-5-2017 nhưng lại áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án để quyết định phần án phí là chưa phù hợp trong việc áp dụng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại cho chính xác.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn M không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên anh M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn M.

- Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2017/HNGĐ-ST ngày 24-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T.

+ Cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thùy D, sinh ngày 14-5-2013 và cháu Lê Thùy D1, sinh ngày 11-12-2014 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 14465 ngày 29-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như chị T đã nộp xong phần án phí sơ thẩm.

- Anh Lê Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 14625 ngày 31-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như anh M đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Huỳnh Xuân Long